

Số: / TTr-UBND

Kon Tum, ngày tháng năm 2020

**[DỰ THẢO]**

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về giá dịch vụ giáo dục, đào tạo  
(học phí) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum năm học 2020-2021**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 10.

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số .../TTr-SGDĐT ngày ... tháng ... năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo; Báo cáo thẩm định số .../BC-STP ngày ... tháng ... năm 2020 của Sở Tư pháp; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum năm học 2020-2021.

**I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

- Căn cứ quy định chuyên ngành tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của liên Bộ Giáo dục và

Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ. Theo đó, mức học phí cụ thể ở địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định dựa trên khung học phí (đối với mầm non và phổ thông) và trần học phí (đối với đào tạo, nghề nghiệp). Cụ thể:

+ Học phí giáo dục mầm non, phổ thông: Tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định 86, Chính phủ quy định: Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức học phí cụ thể hàng năm phù hợp với thực tế các vùng trên địa bàn của mình.

+ Học phí giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp: Tại Khoản 6 Điều 5 Nghị định 86 của Chính phủ quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định về mức học phí cụ thể đối với các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của địa phương.

+ Học phí học lại: Tại Khoản 5 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09, Liên Bộ quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định về mức học phí học lại đối với các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của địa phương. Mức học phí học lại tối đa không vượt quá mức trần học phí quy định tại Nghị định 86 phù hợp với từng loại hình đơn vị.

- Các căn cứ liên quan:

+ Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Trong đó tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP quy định: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định giá thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật đối với dịch vụ mầm non và giáo dục phổ thông công lập (học phí).

+ Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, tại Điểm a, Khoản 4, Điều 19 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo: “...*quyết định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục, đào tạo công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định của pháp luật*”.

Từ những quy định nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI kỳ họp thứ 8 ban hành Nghị quyết quy định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum năm học 2020-2021.

## **II. Mục đích, quan điểm xây dựng Nghị quyết**

**1. Mục đích:** Nhằm quy định thống nhất, làm cơ sở pháp lý để thực hiện về giá dịch vụ giáo dục, đào tạo (học phí) trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết:** Việc xây dựng Nghị quyết “*Quy định về giá dịch vụ giáo dục, đào tạo (học phí) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum năm học 2020-2021*” phải căn cứ theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư liên

tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ và phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

### **III. Quá trình xây dựng dự thảo văn bản**

Căn cứ Thông báo số 05/TB-HĐND ngày 03/02/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum thông báo Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh về Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 10; Văn phòng UBND tỉnh có Phiếu chuyển số 256/PC-KGVX ngày 16/02/2020 chuyển Thông báo số 05/TB-HĐND; Trong đó, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh về giá dịch vụ GDĐT (học phí) năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Ngày 28/02/2020, Sở Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số 231/SGDĐT-KHTC phối hợp xây dựng dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh về giá dịch vụ GDĐT (học phí) năm học 2020-2021 gửi Trường Cao đẳng Cộng đồng;

Ngày 17/3/2020, Trường Cao đẳng Cộng đồng có Công văn số 56/CĐCĐ-KHTV về việc đề xuất mức học phí năm học 2020-2021 đối với các nhóm ngành, nghề đào tạo Cao đẳng, Trung cấp.

Trên cơ sở đó Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng dự thảo và lấy ý kiến các cá nhân, đơn vị liên quan (đang thực hiện).

### **IV. Nội dung cơ bản của Nghị quyết**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

- Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo công lập (học phí) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum năm học 2020-2021, gồm có: giá dịch vụ (học phí) giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập.

- Đối tượng áp dụng: Áp dụng đối với trẻ em học mầm non, học sinh, sinh viên, học viên đang học tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc địa phương quản lý; áp dụng đối với tất cả các cơ sở giáo dục công lập thuộc địa phương quản lý.

#### **2. Về phân vùng để thu giá dịch vụ (học phí) giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông**

Kế thừa việc phân vùng tương tự như qui định đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất trong giai đoạn 2010-2019, cụ thể:

+ Vùng 1: Gồm 6 phường Quyết Thắng, Thắng Lợi, Thống Nhất, Quang Trung, Duy Tân, Trường Chinh của thành phố Kon Tum.

+ Vùng 2: Gồm 4 phường của thành phố Kon Tum (Ngô mây, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi) và 6 thị trấn thuộc 6 huyện: Đăk Hà, Đăk Tô, Ngọc Hồi, Đăk Glei, Sa Thầy, Kon Rẫy (trừ các thôn đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành).

+ Vùng 3: Thị trấn Măng Đen, các xã còn lại và các thôn đặc biệt khó khăn của vùng 2.

### **3. Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo công lập (học phí):**

#### **3.1. Đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập:**

Để ổn định việc thực hiện thu giá dịch vụ giáo dục (học phí) tại các trường mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Kon Tum trong năm học 2020-2021, trong điều kiện thu nhập của người dân bị ảnh hưởng bởi bệnh dịch, đề xuất không tăng học phí, giữ nguyên mức thu học phí mầm non, phổ thông như năm học 2019-2020 (Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND tỉnh Kon Tum quy định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo (học phí) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum năm học 2019-2020), cụ thể:

TT	Cấp học	Vùng và mức thu (đồng/học sinh/tháng)		
		Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Mầm non	52.000	30.000	25.000
2	Trung học cơ sở	40.000	23.000	19.000
3	Trung học phổ thông	52.000	30.000	25.000

Các cơ sở giáo dục thường xuyên được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của các trường phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn theo qui định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định 86.

**3.2. Đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý (đối với các chương trình đào tạo đại trà trình độ đào tạo trung cấp, cao đẳng tại các cơ sở giáo dục công lập chưa tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư):**

Đề xuất mức học phí năm học 2020-2021 đối với các nhóm ngành, nghề đào tạo trung cấp, cao đẳng bằng 80% mức học phí tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, cụ thể:

*Đơn vị: 1.000đồng/tháng/học sinh, sinh viên*

NHÓM NGÀNH, NGHỀ	Trung cấp	Cao đẳng
1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật, nông, lâm, thủy sản	552	624
2. Khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ, thể dục thể thao, nghệ thuật, khác sạn, du lịch	656	752
3. Y dược	800	912

- Về mức thu học phí đào tạo tính theo tín chỉ, mô-đun: Được xác định theo qui định tại Khoản 9 Điều 5 Nghị định 86.

- Mức thu học phí học lại: Mỗi tín chỉ, mô-đun học lại bằng 50% học phí đào tạo tính theo tín chỉ, mô-đun. Riêng đào tạo nghề bằng 80% học phí đào tạo tính theo tín chỉ, mô-đun.

- Học phí đào tạo đại học và giáo dục nghề nghiệp thực hiện theo phương thức giáo dục thường xuyên áp dụng mức không vượt quá 150% mức thu học

phí so với hệ đào tạo chính quy tương ứng cùng trình độ đào tạo, nhóm ngành, chuyên ngành và nghề đào tạo theo chương trình đào tạo đại trà tại cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp chưa thực hiện tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư. Học phí đối với các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn khác được áp dụng mức thu theo sự thỏa thuận chi phí giữa cơ sở giáo dục và người học (theo qui định tại Khoản 8 Điều 5 Nghị định 86).

#### **4. Các nội dung khác**

Thực hiện theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP; Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các văn bản liên quan khác.

(Hồ sơ kèm theo: Dự thảo Nghị quyết, Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp).

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI kỳ họp thứ 10 xem xét, ban hành./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Tài chính;
- Sở Lao động Thương binh và Xã hội;
- Sở Tư pháp;
- Trường CĐ Cộng đồng;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**